TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ BẢY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/07/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ BẢY - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Tước
2. Ông Nguyễn Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vũ Tiên. Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Bảy tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo. Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh H. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Tống Thị Kim C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, thị xã N, tỉnh H. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/4/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Tống Thị Kim C tổ chức lễ cưới vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Quá trình C sống vợ chồng, do vợ chồng thường bất đồng ý kiến với nhau trong nhiều quan điểm sống, thường xuyên cải nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt và sống ly thân từ tháng 12/2002 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh Nguyễn Văn N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tống Thị Kim C.

Về con C: Vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Cẩm L, giới tính: Nữ; sinh ngày: 24/9/2001 hiện đang sống với chị C. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn N đồng ý tiếp tục để chị C nuôi dưỡng cháu L anh N không phải cấp dưỡng nuôi con C.

Về tài sản C, Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ C: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Tống Thị Kim C thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Văn N là đúng về mối quan hệ hôn nhân, con C, tài sản, nợ C. Anh và chị cưới nhau vào năm 1999 nhưng gì lo làm ăn nên chưa đăng ký kết hôn. Cả hai sống đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Trong quá trình C sống do anh Nguyễn Văn N và chị Tống Thị Kim C không hợp nhau về tính tình, bất đồng ý kiến thường xuyên cãi nhau, khó khăn về kinh tế từ đó mâu thuẫn kéo dài và sống ly thân, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N yêu cầu ly hôn bị đơn chị Tống Thị Kim C đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Tống Thị Kim C có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Cẩm L, giới tính: Nữ; sinh ngày: 24/9/2001, không yêu cầu nguyên đơn anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con C.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Thị Cẩm L trình bày: Cha cháu là Nguyễn Văn N và mẹ cháu là Tống Thị Kim C sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 53, Điều 81 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn N với chị Tống Thị Kim C; Về con C: Giao con C cho chị Tống Thị Kim C nuôi dưỡng; Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Tống Thị Kim C C sống với nhau từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình C sống phát sinh mâu thuẫn, anh chị bỏ mặc nhau. Xét mối quan hệ của anh N và chị C không thể kéo dài. Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Văn N và chị Tống Thị Kim C là vợ chồng

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con C cháu Nguyễn Thị Cẩm L, hiện đang sống với chị C và cháu L có nguyện vọng sống với chị C. Để đảm bảo môi trường sống và học tập của cháu Hội đồng xét xử giao cháu L cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 (Mười tám) tuổi. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con C cho anh N không ai được quyền ngăn cản.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghi quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn N và chị Tống Thị Kim C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm L, giới tính: Nữ; sinh ngày: 24/9/2001 cho chị Tống Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 (Mười tám) tuổi. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh N không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015055 ngày 11/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Anh N không phải nộp thêm.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND TX. Ngã Bảy;
- Chi cục THADS TX. Ngã Bảy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Nhung